

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ gạo hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP
ngày 18/7/2016 của Chính phủ học kỳ I năm học 2023-2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy
định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;*

*Căn cứ Quyết định số 415/QĐ-TCĐT ngày 25/9/2023 của Tổng cục Dự
trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học
2023-2024;*

*Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số
199/TTr-SGDĐT ngày 30/9/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp nhận 1.188.000 kg gạo từ nguồn Trung ương hỗ trợ tại Quyết định số 415/QĐ-TCĐT ngày 25/9/2023 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2023 - 2024 được hưởng theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Đợt 1:

+ Tổng số gạo hỗ trợ 02 tháng: 468.315kg.

+ Thời gian giao nhận: đầu tháng 10/2023.

- Đợt 2:

+ Tổng số gạo hỗ trợ 03 tháng: 719.685kg.

+ Thời gian giao nhận: đầu tháng 11/2023.

(Có phụ lục chi tiết đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện (*theo phụ lục*) được phân bổ gạo học kỳ I năm học 2023-2024 chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo làm việc với Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đà Nẵng để tiếp nhận và phân bổ số gạo trên đến học sinh ở các trường tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đảm bảo đúng đối tượng, định mức, thời gian và thanh, quyết toán theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc bàn giao, tiếp nhận, phân bổ gạo đến học sinh kịp thời, đảm bảo số lượng, chất lượng, báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện (*theo phụ lục*), Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đà Nẵng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KGVX (0).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Tuấn

Phụ lục

**Điều chỉnh số gạo hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ
đợt 1, học kỳ 1, năm học 2023-2024**

(Kèm theo Quyết định số #sovb /QĐ-UBND ngày #nbh /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	Đơn vị	Tổng số HS dự kiến được hưởng ở học kỳ I năm học 2023-2024	Định mức gạo/tháng	Đợt 1				Đợt 2		Ghi chú: Gạo thừa, thiếu năm học 2022-2023	
				Số tháng được hỗ trợ (2 tháng)	Tổng số gạo hỗ trợ	Gạo thừa/thiếu NH 2022-2023 chuyển qua	Số gạo thực nhận Đợt 1	Số tháng được hỗ trợ (3 tháng)	Tổng số gạo thực nhận đợt 2	Gạo thừa	Gạo thiếu
II	ĐÔNG GIANG	1.204	15	2	36.120	1.020	35.100	3	54.180	1.020	
1	Tiểu học Jơ Ngây	31	15	2	930		930	3	1.395		
2	Tiểu học Sông Kôn	12	15	2	360		360	3	540		
3	Tiểu học Arooi	27	15	2	810		810	3	1.215		
4	Tiểu học thị trấn Prao	52	15	2	1560	120	1.440	3	2.340	120	
5	THCS Lê Văn Tám	124	15	2	3720		3.720	3	5.580		
6	THCS Phan Châu Trinh	60	15	2	1800		1.800	3	2.700		
7	THCS Mẹ Thứ	101	15	2	2955	75	2.955	3	4.545	75	
8	TH&THCS Zà Hung	81	15	2	2430		2.430	3	3.645		
9	TH&THCS Phan Bội Châu	66	15	2	1980		1.980	3	2.970		
10	PTDTBT THCS Trần Phú	100	15	2	3000		3.000	3	4.500		
11	THPT Âu Cơ	250	15	2	7500		7.500	3	11.250		
12	THPT Quang Trung	300	15	2	9000	825	8.175	3	13.500	825	